

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Định hướng ứng dụng

Tên ngành: Khoa học cây trồng

Mã số: 8620110

*(Ban hành kèm theo quyết định số 4188/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Đại học Cần Thơ)*

1	Tên ngành đào tạo <i>(Tiếng Việt và Anh)</i>	Khoa học cây trồng Crop sciences
2	Mã ngành	8620110
3	Đơn vị quản lý	Khoa Khoa học Cây trồng, Trường Nông nghiệp
4	Chuẩn đầu vào	
4.1	Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức	Khoa học Cây trồng
4.2	Ngành phù hợp học bổ sung kiến thức	Bảo vệ thực vật, Nông học, Khoa học đất, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Công nghệ sinh học, Nông nghiệp, Khuyến nông, Phát triển nông thôn, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Sinh học ứng dụng.
4.3	Yêu cầu chung	Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng ứng dụng yêu cầu hạng tốt nghiệp từ trung bình trở lên; Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (thuộc 6 ngôn ngữ quy định của thông tư 23/2021/TT-BGDĐT)
5	Mục tiêu đào tạo <i>Cụ thể hoá yêu cầu của TT 17/2021/BGDĐT và Khung trình độ quốc gia, bậc 7</i>	- Mục tiêu đào tạo chung: Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng khoa học cây trồng nhằm phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo và ứng dụng các phương pháp nghiên cứu tiên tiến, đóng góp vào sự phát triển của khoa học cây trồng và nông nghiệp bền vững. - Mục tiêu đào tạo cụ thể a. Thiết lập các vấn đề ứng dụng về cây trồng. b. Xây dựng phương pháp và chiến lược phù hợp để giải quyết các vấn đề ứng dụng về cây trồng. c. Phát triển và sáng tạo các phương pháp nghiên cứu mới, kết hợp với các công nghệ tiên tiến, nhằm tạo ra những giải pháp đổi mới và đóng góp đáng kể vào sự phát triển của khoa học cây trồng. d. Quản lý các chiến lược mới nhằm nâng cao khả năng làm việc độc lập và hợp tác, học tập nâng cao trình độ.
6	Chuẩn đầu ra	<i>Hoàn thành chương trình đào tạo Khoa học Cây trồng trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng, người học có khả năng:</i>
6.1	Kiến thức	a. Vận dụng hệ thống tri thức, lý luận vào thực tiễn. b. Thiết lập các định hướng trong ứng dụng cây trồng phù hợp với thực tế sản xuất.

		c. Xây dựng các quy trình kỹ thuật canh tác cây trồng theo vùng sinh thái; đề xuất các định hướng, giải pháp trong quản lý và sản xuất cây trồng theo xu hướng phát triển của xã hội. d. Phát triển các đề tài nghiên cứu khoa học trong quản lý và sản xuất cây trồng một cách độc lập.
6.2	Kỹ năng	a. Thực hiện thuần thục các phương pháp phân tích, đánh giá trong quản lý và sản xuất cây trồng. b. Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề trong quản lý và sản xuất cây trồng.
6.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	Thể hiện trách nhiệm, tự tin, năng động trong công việc.
6.4	Ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp	Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế tuyển sinh và đào tạo đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài; Yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.
7	Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp CTĐT	Có khả năng tham gia nghiên cứu, giảng dạy (Trường cao đẳng và đại học, viện nghiên cứu...) và làm việc (ở các sở, ban, ngành, trung tâm, trạm trại, công ty, nhà máy, phân xưởng...) liên quan đến cây trồng.
8	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp CTĐT	Có khả năng học tập nâng cao trình độ chuyên môn trong và ngoài nước
9	Cấu trúc chương trình đào tạo	- Kiến thức chung: 3 tín chỉ (Triết học) - Kiến thức khối ngành: 14 tín chỉ (8 bắt buộc; 6 tự chọn) - Kiến thức chuyên ngành: 28 tín chỉ (16 bắt buộc; 12 tự chọn) - Thực tập và tốt nghiệp: 15 tín chỉ (15 bắt buộc)
10	Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo	1. Chương trình Thạc sĩ ngành Khoa học Cây trồng- Học viện Nông nghiệp Việt Nam (https://vnua.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/dao-tao-thac-si/chuongtrinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-chuyen-nganh-khoa-hoc-cay-trong-11767.html) 2. Chương trình Thạc sĩ ngành Khoa học Cây trồng - trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên (http://tuaf.edu.vn/bai-viet/chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-cac-nganh-5495.html) 3. Chương trình Thạc sĩ ngành Khoa học Nông nghiệp- Đại học Charles Sturt

		(https://study.csu.edu.au/courses/agricultural-wine-sciences/master-sustainable-agriculture) 4. Chương trình đào tạo bậc thạc sĩ của trường Đại học Malaya, Malaysia, (https://fs.um.edu.my/master-of-science-in-crop-protection)
11	Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành yêu cầu ở mục 4.2	- Số học phần: 2 ; tổng tín chỉ: 4 TC - Tên các học phần (<i>tên, mã số HP, số tín chỉ</i>) 1. Cây lúa, NN369, 2TC 2. Cây ăn trái, NN361, 2TC
12	Tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh của Đại học Cần Thơ hàng năm, với 3 hình thức có thể áp dụng: Xét tuyển; Xét tuyển kết hợp thi tuyển; Thi tuyển.
12.1	Môn thi tuyển sinh	- <i>Môn cơ sở</i> : Sinh lý thực vật - <i>Môn chuyên ngành</i> : Hệ thống canh tác - <i>Ngoại ngữ</i> : Anh văn
12.2	Điều kiện xét tuyển	- Đảm bảo yêu cầu chuẩn đầu vào. - Theo quy định chung của Đại học Cần Thơ

Chương trình đào tạo chi tiết (*)

Tổng số tín chỉ: 60 TC

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 24 tháng; thời gian đào tạo tối đa: 48 tháng

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Số tiết BT	HP song hành	HK thực hiện
I. Phần kiến thức chung										
1	ML605	Triết học	3	x		45				I, II, III
<i>Cộng: 3 TC (bắt buộc: 3 TC)</i>										
II. Phần kiến thức khối ngành										
2	NNC608	Phương pháp nghiên cứu khoa học - cây trồng	2	x		30				I, II, III
3	CT888	Năng lực số A	2	x		15	30			I, II, III
4	NN710	Thâm cứu sinh lý thực vật	2	x		30				I, II, III
5	NN686	Thống kê phép thí nghiệm ứng dụng	2	x		20	20			I, II, III
6	NN693	Chất hữu cơ trong đất	2		x	20	20			I, II, III
7	NNB608	Dịch tể học dịch hại cây trồng	2		x	30				I, II, III
8	NN760	Công nghệ di truyền	2		x	20	20			I, II, III
9	NN687	Sinh lý cây trồng trong điều kiện bất lợi	2		x	30				I, II, III

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Số tiết BT	HP song hành	HK thực hiện
10	NN704	Phân tích hệ thống canh tác	2		x	30				I, II, III
11	NNC616	Sinh thái học cây trồng	2		x	30				I, II, III
12	NN721	Chất điều hòa sinh trưởng thực vật	2		x	30				I, II, III
13	NNC620	Chọn giống cây trồng	2		x	30				I, II, III

Cộng: 14 TC (bắt buộc: 8 TC, tự chọn 4 TC)

III. Phần kiến thức chuyên ngành

14	NNC603	Thâm cứu sản xuất cây công nghiệp dài ngày	2	x		20	20			I, II, III
15	NNC618	Thâm cứu sản xuất cây ngắn ngày	2	x		20	20			I, II, III
16	NNC617	Thâm cứu sản xuất cây ăn trái	2	x		20	20			I, II, III
17	NN722	Thâm cứu sản xuất rau	2	x		20	20			I, II, III
18	NN727	Thâm cứu sản xuất lúa	2	x		20	20			I, II, III
19	NNC615	Seminar học thuật	2	x		20	20			I, II, III
20	NN714	Thâm cứu dinh dưỡng cây trồng	2		x	20	20			I, II, III
21	NNC614	Nấm ăn và nấm dược liệu	2		x	20	20			I, II, III
22	NNC604	Sản xuất cây dược liệu	2		x	20	20			I, II, III
23	AG613	Dịch hại cây trồng nhiệt đới và biện pháp quản lý	2		x	20	20			I, II, III
24	NN609	Công nghệ sinh học trong Bảo vệ thực vật	3		x	30				I, II, III
25	NND620	Phì nhiều đất B	2		x	30				I, II, III
26	NNC610	Vi sinh vật ứng dụng trong trồng trọt	2		x	30				I, II, III
27	NN705	Sản xuất cây trồng hữu cơ	2		x	30				I, II, III

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Số tiết BT	HP song hành	HK thực hiện
28	NNC619	Bảo quản sau thu hoạch	2		x	20	20			I, II, III
29	NNC605	Sản xuất hoa kiểng	2		x	30				I, II, III
30	NN724	Kỹ thuật xử lý ra hoa cây ăn trái	2		x	20	20			I, II, III
31	NN720	Nhân giống vô tính	2		x	20	20			I, II, III
32	NNC611	Ánh sáng nhân tạo ứng dụng trong nông nghiệp	2		x	20	20			I, II, III
33	NNC612	Nông nghiệp đô thị	2		x	20	20			I, II, III
34	NNC003	Chuyên đề Khảo sát thực địa lĩnh vực trồng trọt (Đất, cây trồng, giống, bảo vệ thực vật).	3	x			135			I, II, III
35	NNC004	Chuyên đề Quản lý cây trồng tổng hợp	3	x		15	60			I, II, III
36	NNC005	Chuyên đề Hệ thống các mô hình sản xuất kết hợp	3		x	15	60			I, II, III
37	NNC006	Chuyên đề Sản xuất cây trồng theo hướng Công nghệ cao (4.0)	3		x	15	60			I, II, III
38	NNC007	Chuyên đề Mô hình hoá và dự đoán cây trồng	3		x	15	60			I, II, III
39	NNC613	Chiến lược Quản lý dịch hại (sâu, bệnh, cỏ dại) cây trồng	3		x	15	60			I, II, III
40	NNC009	Chuyên đề Khảo nghiệm và kiểm định giống cây trồng	3		x	15	60			I, II, III

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Số tiết BT	HP song hành	HK thực hiện
41	NNC010	Chuyên đề quản lý bền vững đất canh tác cây trồng (lúa, cây ăn trái, rau màu)	3		x	15	60			I, II, III
Cộng: 28 TC (bắt buộc: 16 TC; tự chọn: 12 TC)										
IV. Phần nghiên cứu khoa học										
42	NNC001	Đề án tốt nghiệp	9	x			270			I, II, III
43	NNC002	Thực tập tốt nghiệp	6	x			270			I, II, III
Cộng: 15 TC bắt buộc										
		Tổng cộng	60	42	18					

Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

ĐẠI HỌC CẦN THƠ

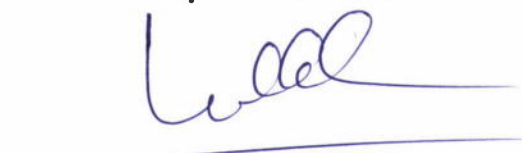
**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH**

**TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP
HIỆU TRƯỞNG**


Trần Trung Tính


Trần Ngọc Hải


Lê Văn Vàng